TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/DS-PT
Ngày: 30 - 6 - 2023
"V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Tống Văn Viên

Ông Đặng Văn Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST, ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 99/2023/QĐPT-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Thạch Kim T, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Kim T1, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Thạch Ô (Thạch Ô1), sinh năm 1931 (chết);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Thạch Ô gồm:

- Bà Thạch Thị Sa R, sinh năm 1954 (xin xét xử vắng mặt)
- Bà Thạch Thị V, sinh năm 1963 (xin xét xử vắng mặt)
- Bà Thạch Thị Sa A, sinh năm 1961 (xin xét xử vắng mặt)
- Bà Thạch Thị H, sinh năm 1962 (xin xét xử vắng mặt)
- Ông Thạch H1, sinh năm 1969 (xin xét xử vắng mặt)
- Bà Thạch Thị D, sinh năm 1969 (xin xét xử vắng mặt)
- Bà Thạch Thị L, sinh năm 1970 (xin xét xử vắng mặt)

- Bà Thạch Thị T2, sinh năm 1979 (xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bà Thạch Thị B, sinh năm 1978 (xin xét xử vắng mặt)

- Bà Thạch Thị H2, sinh năm 1981 (xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bà Thạch Thị Kim T3, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

2. Ông Kim S, sinh năm 1940 (chết);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Kim S gồm:

- Ông Kim N, sinh năm 1977 (xin xét xử vắng mặt)

- Ông Kim L1, sinh năm 1970 (xin xét xử vắng mặt)

- Bà Kim Thị T4, sinh năm 1960 (xin xét xử vắng mặt)

- Ông Kim T1, sinh năm 1969 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3. Bà Thạch Thị C, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh, (có mặt).

4. Bà Thạch Thị Kim T3, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

5. Ông Thạch Ngọc D1, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh, xin xét xử vắng mặt.

6. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Trụ sở: Khóm 5, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh B1, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo*: ông Kim T1 là bị đơn.

- *Phiên dịch*: ông Thạch V1 – Trường THCS P1, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/7/2010, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/7/2014, ngày 11/5/2015 và lời trình bày của nguyên đơn ông Thạch Kim T trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Trước đây ông Kim S có bán cho ông Thạch Ô khoảng nửa công đất ruộng, sau khi mua ông Thạch Ô đào đường nước dẫn nước vào ruộng phía trong, đắp bờ 02 bên đường nước và trồng dừa 02 bên bờ, sử dụng ổn định. Đến năm 1995 Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng cho ông Thạch Ô thuộc thửa 178 diện tích là 485,8m^2 tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp S, xã A. Đến tháng 01/2010, ông Thạch Ô là cha vợ ông Thạch Kim Trung chuyển n cho ông và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29/01/2010.

Trên bờ đường nước ông Thạch Ô có trồng dừa hai bên. Hiện nay ông Kim T1 chặt 07 cây chỉ còn 18 cây ông quản lý 09 cây ở hướng Tây đường nước và 01 cây ở hướng Đông đường nước.

Ngày 21/3/2010, ông Kim T1 con ông Kim S tự ý đắp đường nước mà gia đình ông sử dụng trên 20 năm qua để cất chuồng heo, ông T1 đắp đường nước của gia đình ông làm thất thu 02 vụ lúa đông xuân và hè thu của gia đình với diện tích 6.740m^2. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 trả lại diện tích 458m^2, thửa 178 tờ bản đồ số 16, thuộc ấp S, xã A, huyện T, bồi thường thiệt hại diện tích lúa 6.740m^2 mà ông T1 đắp đường nước không canh tác được bằng 5.000.000đ, bồi thường 07 cây dừa bằng 1.400.000 đồng. Tại phiên tòa sơ sở thẩm ông Thạch KIm T5 rút lại yêu cầu ông T1 bồi thường thiệt hại chỉ yêu cầu ông Kim T1 trả lại đất.

Bị đơn ông Kim T1 trình bày: Nguồn gốc đất đang tranh chấp giữa ông T5 với ông là do cha mẹ ông tên ông Kim S và bà Kim Thị T6 cho ông vào năm 1996, không có làm giấy tờ gì và hiện nay cha ông vẫn còn đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi vào Tập đoàn G, cha ông đổi đất với ông Sáu C1 ở ấp C, xã L và đã được Nhà nước cấp giấy quyền sử dụng đất theo quy định. Thửa đất này giáp kênh N, đất ông Thạch Ô ở phía trong không giáp kênh, trước đây ông Kim S cho ông Ô sử dụng nhờ đường nước. Nhằm tạo điều kiện cho ông Ô sử dụng đất, cha ông kêu đổi đất ông Ô lưỡng lự hoài không chịu đổi, đến khi cha ông cho ông phần đất này ông tiếp tục kêu ông Ô, ông T5 đổi 01 thước ngang đất này làm đường nước không. Các ông cũng không đổi. Thửa đất này cha ông cũng không có bán cho ông Ô.

Nay ông Kim T1 yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông Thạch Kim T và ông yêu cầu yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T đối với thửa 178 diện tích 458m^2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn: Bà Thạch Thị Kim T3 là vợ ông T, thống nhất như trình bày và theo yêu cầu của ông T đòi lại ông T1 trả lại diện tích 458m^2 thuộc thửa 178, tờ bản đồ số 16 và

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn ông Thạch Ô khai : Nguồn gốc đất đang tranh chấp của ông Kim S đổi với ông C1. Sau khi giải thể tập đoàn ông mua lại của ông S nửa công đất này để làm đường nước, vì phần đất này liền kề với phần đất của ông ở bên trong, lúc mua bán hai bên có làm giấy tay, sau đó ông S tách thửa cho ông nên ông được quyền sử dụng đất cấp giấy đỏ thì ông làm mất giấy tay. Đến khoảng năm 2009 - 2010 ông chuyển nhượng cho Thạch Kim Trung con rể của ông sử dụng, ông không có ý kiến gì, giao cho Kim T toàn quyền quyết định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn: Bà Thạch Thị C khai (ngày 03/9/2014), bà là vợ ông Kim T1, còn ông S là cha chồng, bà có ý kiến như nội dung ông Kim T1 trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Kim S trình bày: Nguồn gốc đất là của cha mẹ tên Thạch C2 và Thạch Thị O để lại cho vợ chồng ông Kim S và Thạch Thị T7. Đến năm 1996, vợ chồng ông để lại cho con tên Kim T1. Sau khi giải thể tập đoàn thì ông có cho ông Thạch Ô sử dụng nhờ đường nước để khai thác phục vụ

sản xuất và gia đình ông cũng sử dụng chung đường nước này. Phần đất đang tranh chấp gia đình đã có quyền sử dụng đất thửa 111 diện tích 640m^2 và thửa 102 diện tích 4.280m^2. Ông chỉ cho ông Thạch Ô sử dụng nhờ đường nước, không có bán. Trên phần đất tranh chấp có 25 cây dừa là do phần đất này là đất giãn dân, sau khi giải thể tập đoàn trả lại cho gia đình ông thì có sẵn một số cây dừa do một số người giãn dân trồng và ông có trồng thêm 11 cây. Đất đã cho Kim T1, tùy ý Thành quyết định, ông không có yêu cầu gì, còn phần cây dừa để thu hoa lợi hưởng tuổi già.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thạch Ngọc D1 trình bày:* Ông không có quan hệ gì với ông T1 và ông T. Vào năm 2014, (không nhớ ngày tháng) ông có nhận chuyển nhượng của ông T1 diện tích đất 04 công thuộc thửa 180 (giáp ranh đất tranh chấp) tọa lạc tại ấp S Trên, xã A và toàn bộ cây dừa xung quanh phần đất 04 công với giá 13 chỉ vàng 24K (9999)/01 công đất và 3.000.000đ bồi hoàn riêng cho toàn bộ dừa có trên đất, ông D1 và ông T1 có làm giấy tay đến nay chưa sang tên tách thửa, giấy quyền sử dụng đất do Kim S đứng tên, ông T1 đã giao cho ông quản lý, sử dụng từ ngày làm giấy tay và giao nhận vàng với nhau. Đối với phần 08 cây dừa, 02 cây mít, 02 cây xoài ông T1 đã bán hết cho ông giá 3.000.000đ, tùy Tòa án xét xử ông không có ý kiến hay yêu cầu gì. Nếu Tòa án giao đất cho ông T1 thì ông hưởng thu lời từ 08 cây dừa, 02 cây mít, 02 cây xoài, nếu giao cho ông T thì để ông và ông T tự thỏa thuận; ông yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T có Công văn số 617- CV/UBH ngày 08/10/2014 cung cấp như sau:

+ Tư liệu đo đạc năm 1983, đất tranh chấp là của ông Sơn C3 kê khai đăng ký diện tích 2.700m^2, thửa 47 tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp M, xã L. Năm 1994, khi thực hiện phân chia địa giới hành chính thì thửa đất trên thuộc ấp S Trên, xã A là thuộc thửa 178, tờ bản đồ số 16, diện tích 600m^2 do hộ ông Thạch Ô đứng tên trong hồ sơ địa chính, việc thay đổi chủ sử dụng đất và diện tích giữa tư liệu năm1983 và năm 1994 từ ông Sơn C3 diện tích 2.700m^2 sang hộ ông Thạch Ô diện tích 600m^2 là do chủ sở hữu tự làm thay đổi trong quá trình giữa hai thời kỳ đo đạc lập hồ sơ địa chính.

+ Theo tư liệu 1994 phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 178 tờ bản đồ số 16 diện tích 600m^2 do hộ ông Thạch Ô kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 theo nguồn gốc kê khai trong đơn đăng ký quyền sử dụng đất là của ông bà. Việc cấp giấy được Ủy ban nhân dân xã L thẩm tra xét duyệt đúng quy trình về trình tự, thủ tục về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (do thửa 178 trước năm 1994 thuộc địa giới hành chính xã L quản lý).

+ Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Thạch Kim T thửa 178 tờ bản đồ số 16, diện tích 556,1m^2 (giảm 84m^2 do thu hồi kênh thủy lợi) do ông Thạch Ô chuyển nhượng cho ông Thạch Kim T đảm bảo đúng quy định tại Điều 127 Luật đất đai 2003.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú đã xử:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 164, Điều 166, Điều 169, Điều 175, Điều 189, Điều 190 và Điều 500 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 166, Điều 202, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch Kim T

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Kim T1 yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho nguyên đơn ông Thạch Kim T đối với thửa 178, từ bản đồ số 16, diện tích thực đo 458m^2, tọa lạc tại ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Buộc bị đơn ông Kim T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn bà Thạch Thị C giao trả cho nguyên đơn ông Thạch Kim T phần đất có diện tích thực đo 458m^2, thửa 178, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh, có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 178 (theo tư liệu năm 1995 không có tranh chấp) có số đo 47,2m và 10,6m và giáp thửa 180 có số đo: 2,43m.

- Hướng Tây giáp thửa 177 có số đo: 50,5m.

- Hướng Nam giáp bờ kênh có số đo: 9,6m.

- Hướng Bắc giáp thửa 69 có số đo: 17,9m.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo)

- Giao toàn bộ cây trồng trên thửa đất 178 diện tích thực đo 458m^2 gồm: 10 cây dừa, 01 cây mít, 02 cây mù U và 04 cây tràm bông vàng cho ông Thạch Kim T khai thác, quản lý và sử dụng.

Đình chỉ xét xử đối với phần nguyên đơn ông Thạch Kim T rút yêu cầu đòi ông Kim T1 bồi thường 5.000.000 đồng tiền thất thu hai vụ lúa; rút yêu cầu đòi ông T1 bồi thường 07 cây dừa bằng 1.400.000 đồng (mỗi cây bằng 200.000 đồng) và rút lại yêu cầu diện tích 8,6m^2 thuộc thửa 180.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/12/2022 ông Kim T1 kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Thạch Kim T đối với thửa 178, từ bản đồ số 16, diện tích thực đo 458m^2, tọa lạc tại ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: ông Kim T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh thửa số 178, tờ bản đồ số 16, diện tích thực đo 458m^2 là của ông nên kháng cáo của ông Kim T1 không có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Kim T1 yêu cầu công nhận cho ông được quyền sử dụng thửa đất 178 diện tích thực đo 458m^2, tọa lạc tại ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Diễn biến quá trình đăng ký kê khai thửa đất 178 diện tích 600m^2:

Tư liệu đo đạc năm 1983, ông Sơn C3 kê khai đăng ký diện tích 2.700m^2, thửa 47 tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp M, xã L.

Năm 1994, khi thực hiện phân chia địa giới hành chính thì thửa đất trên thuộc ấp S Trên, xã A là thuộc thửa 178, tờ bản đồ số 16, diện tích 600m^2 do hộ ông Thạch Ô đứng tên trong hồ sơ địa chính.

Theo tư liệu 1994 phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 178 tờ bản đồ số 16 diện tích 600m^2 do hộ ông Thạch Ô kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995.

Năm 2010 ông Thạch Kim T nhận chuyển nhượng của ông Thạch Ô thửa 178 tờ bản đồ số 16, diện tích 556,1m^2 (giảm 84m^2 do thu hồi kênh thủy lợi).

[2] Nguồn gốc đất đang tranh chấp, ông Thạch Ô và ông Kim T1 cùng khai nguồn gốc đất trước đây là của ông Sơn C3, ông Kim S đổi với ông C3 sau khi giải thể tập đoàn. Đất của ông Thạch Kim T, Thạch Ô ở phía trong không giáp kênh, trước đây ông Ô sử dụng trồng trọt đều xin nhờ đường nước trên đất của ông. Nhằm tạo điều kiện cho ông Ô cha ông kêu đổi đất ông Ô lưỡng lự hoài không chịu đổi, đến khi cha ông cho ông phần đất này ông tiếp tục kêu ông Ô, ông T đổi 01 thước ngang đất này làm đường nước nhưng ông Ô không chịu đổi. Thửa đất này ông Kim S không có bán cho ông Ô. Quá trình xác minh những hộ dân (ông Thạch L2, ông Thạch P) làm ruộng giáp ranh với đất của ông Kim S, ông Thạch Ô khai diện tích đất tranh chấp thửa 178 nêu trên là của ông Ô nhận chuyển nhượng của ông Kim S khoảng nửa công đất sau khi giải thể tập đoàn để ông Thạch Ô làm đường nước dẫn lên ruộng của ông Ô phía trong. Ông T1 không có chứng cứ nào chứng minh thửa đất 178 cho ông Thạch Ô sử dụng nhờ đường nước. Thửa đất này ông Thạch Ô sử dụng làm đường dẫn nước từ năm 1986 đến nay. Đến khi ông Kim Thành T8 sử dụng thì ông Kim T1 là con ông Kim S mới ngăn cản không cho ông T8 sử dụng.

[3] Ông Kim S, Kim T1 khai là thửa đất 178 nêu trên gia đình ông cũng có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Kim S đứng tên. Theo giấy chứng nhận mà ông Kim S cung cấp cho Tòa án là thửa đất 111 có diện tích 640m^2 và thửa 102 có diện tích 4.280m^2 vị trí các thửa đất này không nằm gần thửa 178. Thửa đất 180 mới giáp ranh với thửa 178 của ông Thạch Kim T đứng tên. Thửa 180 hiện tại thì ông Kim T1 đã chuyển nhượng cho ông Thạch Ngọc D1 ở ấp M, xã L, huyện T.

Từ các chứng cứ nêu trên ông Kim T1 không chứng minh được thửa đất thửa 178 tờ bản đồ số 16, diện tích 556,1m^2 là của ông Kim T1 và gia đình ông Kim T1 cũng không trực tiếp sử dụng diện tích thửa đất này nên yêu cầu kháng cáo của ông Kim T1 không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

[5] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Kim T1 không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 100, 166, 202 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận đơn yêu cầu kháng cáo của ông Kim T1.

- Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 34 /2022/DS-ST ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Kim T

- Không chấp nhận đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Kim T1.

Ông Kim T1 và thành viên hộ gia đình ông Kim T1 không được cản trở quyền sử dụng đất của hộ ông Thạch Kim T có diện tích thực đo 458m^2, thửa 178, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Về án phí phúc thẩm: ông Kim T1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), ông T1 đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012728 ngày 15/02/2022 của Chi Cục Thi hành án huyện Trà Cú nên được cấn trừ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung